

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/DS-ST

Ngày: 11-8-2020

V/v tranh chấp về hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;

2. Ông Bùi Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2020/TLST- DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc “tranh chấp về hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1945; địa chỉ: Tổ A1, ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Trương Thị Thắm E, sinh năm 1981 và ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Tổ A2, ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, bị đơn bà Trương Thị Thắm E có mặt; bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 13 tháng 5 năm 2020, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà P) trình bày:**

Giữa bà Nguyễn Thị P và bà Trương Thị Thắm E có mối quan hệ quen biết nên bà Trương Thị Thắm E có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà P mở. Do bà Trương Thị Thắm E có tham gia chơi nhiều dây hụi với số tiền và thời gian

chơi khác nhau nên dễ dễ nhớ nguyên đơn đã tổng hợp lại tính đến ngày 02/01/2019 thì bị đơn còn nợ là 376.160.000 đồng sau đó đã trả được 11.160.000 đồng thì hai bên đã chốt lại bằng giấy nợ hui ngày 23/01/2020.

Thời điểm ngày 23/01/2020, bà Thẩm E còn nợ hui với tổng cộng số tiền là 365.000.000 đồng. Tính cho đến nay đã trả thêm được 1.500.000 đồng, còn nợ lại là 363.500.000 đồng.

Giấy nợ ghi ngày 23/01/2020 là do bà P viết sẵn mang lên cho bà Trương Thị Thẩm E ký.

Quá trình bà Thẩm E tham gia các dây hui của bà P thì chồng bà E là ông Q có biết rõ việc này nên tại đơn kiện ngày 13/5/2020 bà P yêu cầu cầu bà Trương Thị Thẩm E và ông Nguyễn Ngọc Q liên đới trả số tiền là 363.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà P xác định không có giấy tờ gì thể hiện ông Q có tham gia hui hay nhận hui nên bà P xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Q và xác định chỉ yêu cầu cầu bà Trương Thị Thẩm E trả cho bà P số tiền hui còn nợ là 363.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bà P không có yêu cầu gì khác.

**** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Trương Thị Thẩm E trình bày:***

Bà Trương Thị Thẩm E thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc bà E có tham gia chơi nhiều dây hui của nguyên đơn vì đã lâu nên bị đơn không nhớ dây hui gì, số tiền như thế nào nhưng hai bên đã chốt lại bằng giấy nợ ghi ngày 23/01/2020.

Giấy nợ ghi ngày 23/01/2020 là do bà P mang sẵn lên cho bà E ký ai viết thì bà E không biết. Tên trong giấy tờ của bị đơn là Trương Thị Thẩm E nhưng bị đơn ký tên “Thẩm” tại giấy nợ hui ghi ngày 23/01/2020 vì đây là tên thường gọi của bị đơn.

Bà Trương Thị Thẩm E xác định khoản nợ ghi ngày 23/01/2020 là khoản nợ của cá nhân bà E khi tham gia hui của bà P. Trong giấy nợ có ghi tên ông Q (chồng bà Thẩm E) là do bà P viết sẵn mang lên chứ ông Q không tham gia hui của bà P, không biết về việc bà Thẩm E chơi hui như thế nào.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Thẩm E đồng ý thanh toán cho bà P số tiền 363.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng). Nhưng hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên bị đơn xin được trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu, trình bày gì khác gì khác.

**** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q trình bày:***

Ông Q không vay mượn khoản tiền nào của bà P, không nợ gì bà P, cũng không tham gia hui của bà P nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P.

Ông Q có đơn yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các Quyền và nghĩa vụ theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “tranh chấp về hội”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị Thắm E trả cho bà P số tiền hội còn nợ là 363.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng) theo giấy nợ ngày 23/01/2020. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp về hội”. Bị đơn bà Trương Thị Thắm E và ông Nguyễn Ngọc Q có nơi cư trú là tổ 4, ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q vắng mặt đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo quy định.

[1.3] Tại đơn kiện ngày 13/5/2020 bà P yêu cầu cầu bà Trương Thị Thắm E và ông Nguyễn Ngọc Q cùng phải trả số tiền hội còn nợ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà P xác định chỉ yêu cầu cầu bà Trương Thị Thắm E trả cho bà P số tiền hội còn nợ là 363.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng). Việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn ông Q trả nợ hội là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 71, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn bà P yêu cầu bị đơn bà Trương Thị Thắm E trả cho bà P số tiền hội còn nợ là 363.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn

đồng). Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy nợ ngày 23/01/2020.

Theo giấy nợ ngày 23/01/2020 do nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 23/01/2020, bà Thẩm E còn nợ hui bà Nguyễn Thị P với số tiền là 365.000.000 đồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà P và bị đơn bà Trương Thị Thẩm E đều thống nhất xác định Giấy nợ ghi ngày 23/01/2020 là do bà P viết mang sẵn lên cho bà E ký. Tên trong giấy tờ của bị đơn là Trương Thị Thẩm E nhưng bị đơn ký tên “Thẩm” tại giấy nợ ghi ngày 23/01/2020 vì đây là tên thường gọi của bị đơn. Như vậy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm lập giấy nợ các bên đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung giấy nợ không vi phạm điều cấm của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Thẩm E thừa nhận tính đến ngày 23/01/2020, bà Thẩm E còn nợ hui với tổng cộng số tiền là 365.000.000 đồng. Tính cho đến nay đã trả thêm được 1.500.000 đồng, còn nợ lại là 363.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng) và đồng ý thanh toán cho nguyên đơn. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên bị đơn xin được trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn bà Thẩm E đã vi phạm nghĩa vụ góp hui theo quy định tại Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ - CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 về họ, hui, biểu, phùng làm ảnh hưởng đến Q và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bị đơn trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên bị đơn xin được trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận trình bày của bị đơn.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trương Thị Thẩm E phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 71, 147, 228, 235, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ - CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 về họ, hui, biểu, phùng.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp về hui” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đối với bị đơn bà Trương Thị Thắm E.

Buộc bà Trương Thị Thắm E thanh toán cho bà Nguyễn Thị P số tiền 363.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q phải liên đới trả nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Thắm E phải chịu 18.175.000 đồng (mười tám triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, bị đơn bà Trương Thị Thắm E có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hải Nam

